

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày 18-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và ông Nguyễn Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1996 tại tỉnh Phú Yên; Nơi ĐKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1970; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/5/2014 bị Công an xã H xử phạt 750.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt; Ngày 09/4/2015 bị Toà án nhân dân huyện P xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 26/8/2020; Ngày 30/9/2015 bị Toà án nhân dân thành phố T xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 26/8/2020. Bị cáo tạm giam từ ngày 04/9/2021, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Trần Trọng N, sinh năm 1985; Địa chỉ: đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Lê Văn P, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường C, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Văn Ng, sinh năm 1966; Địa chỉ: đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 21 giờ 10 phút ngày 04/9/2021 tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang khi phát hiện Trần Văn L cất giấu trong người 02 bì nylon đựng ma túy và công cụ hỗ trợ là 01 súng ngắn ô quay bắn đạn cao su, bên trong có 05 viên đạn cao su. Qua điều tra, L khai nhận số ma túy nêu trên L mua của một đối tượng tên Ba (không rõ lai lịch, địa chỉ) với số tiền 1.000.000 đồng, L đã sử dụng một ít, số ma túy còn lại cất giấu trong người nhằm mục đích để dành sử dụng tiếp thì bị bắt.

Bản kết luận giám định số 259/GĐ-PC09 ngày 08/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Tinh thể màu trắng trong 02 bì nylon trong suốt là ma túy loại Ketamine, có khối lượng 1,660g (gồm A1 có khối lượng 0,992g, A2 có khối lượng 0,668g). Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III số thứ tự 35 Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Vật chứng vụ án: 1,424 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động màu xám đen phím bấm, mặt trước có chữ Vtel không có nắp lưng; 01 khẩu trang y tế có hai lớp, lớp ngoài màu xanh có chữ Xuân Sơn, lớp trong màu trắng đã rách; 03 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn L đã thành khẩn khai báo.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKSTH ngày 17/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với Trần Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g

khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2021. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu huỷ 1,424 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định và 01 khẩu trang y tế có hai lớp, lớp ngoài màu xanh có chữ Xuân Sơn, lớp trong màu trắng đã rách; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu xám đen phím bấm, mặt trước có chữ Vtel không có nắp lưng; Tiếp tục tạm giữ của bị cáo 03 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Trần Văn L có hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ là 01 súng ngắn ổ quay bắn đạn cao su hiệu DSGP-777, 02 viên đạn cao su, 01 viên đạn cao su gồm vỏ đạn và đầu đạn đã hết thuốc nổ còn lại sau giám định, nhưng bị cáo chưa bị xử lý về một trong các hành vi quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội phạm. Ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 225/QĐ-XPVPHC đối với bị cáo.

Đối với đối tượng tên Ba, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ được. Đủ cơ sở để kết luận: Lúc 21 giờ 10 phút ngày 04/9/2021 tại phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, bị cáo Trần Văn L đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,660 gam ma túy loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang. Do đó, hành

vi bị cáo Trần Văn L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng số 98/CT-VKSTH ngày 17/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố và luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Việc tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo không chỉ gây nguy hại đến sức khỏe của chính mình mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương và nhiều mặt khác của đời sống xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.2] Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Bị cáo Trần Văn L có hành vi tàng trữ công cụ hỗ trợ là 01 súng ngắn ô quay bắn đạn cao su hiệu DSGP-777, 02 viên đạn cao su, 01 viên đạn cao su gồm vỏ đạn và đầu đạn đã hết thuốc nổ còn lại sau giám định, nhưng bị cáo chưa bị xử lý về một trong các hành vi quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự nên không cấu thành tội phạm. Ngày 22/11/2021, Ủy ban nhân dân thành phố T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 225/QĐ-XPVPHC đối với bị cáo, hình thức xử phạt chính là phạt tiền 15.000.000 đồng, hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật nói trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Đối với đối tượng tên Ba, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý, khi nào làm rõ xử lý sau.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu huỷ 1,424 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định và 01 khẩu trang y tế có hai lớp, lớp ngoài màu xanh có chữ Xuân Sơn, lớp trong màu trắng đã rách là tang vật phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành và không còn giá trị sử dụng; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu xám đen phím bấm, mặt trước có chữ Vtel không có nắp lưng do bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy; Tiếp tục tạm giữ của bị cáo 03 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng để đảm bảo thi hành án *(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 18/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T)*.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 04/9/2021.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu huỷ 1,424 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định và 01 khẩu trang y tế có hai lớp, lớp ngoài màu xanh có chữ Xuân Sơn, lớp trong màu trắng đã rách; Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động màu xám đen phím bấm, mặt trước có chữ Vtel không có nắp lưng; Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Trần Văn L 03 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 2.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng để đảm bảo thi hành án (*Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 18/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị cáo Trần Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Vân

